TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Sỹ Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu và bà Lê Thị Thường.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1989 – Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1984 – Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Đội M – K Trại giam N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2020, đơn bổ sung đơn khởi kiện ghi ngày 13/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Hữu T ngày 06/11/2006; đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, thường chơi bời, cờ bạc khi hết tiền về đòi tiền của chị, chị không có tiền đưa thì anh T đánh đập chị. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 3/2009 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2009 cho đến nay

chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Trần Hữu T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung là Trần Lê Hải Y, sinh ngày 02/9/2008, hiện nay con đang sống với chị. Chị và anh T không có con nuôi, không ai có con riêng. Ly hôn với anh T, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con Trần Lê Hải Y, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020 tại trại giam Nghĩa An thuộc Bộ công an (xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị), bị đơn anh Trần Hữu T trình bày:

Về tình cảm: Anh kết hôn với chị Lê Thị L năm 2006, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị L có một con chung là Trần Lê Hải Y, sinh ngày 02/9/2008, hiện nay con đang sống với chị L. Ly hôn với chị L, anh đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh và chị L không có tài sản chung và không có nợ chung.

Kết quả xác minh tại UBND xã Quỳnh Giang: Bà Nguyễn Thị Q – Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã Q cho biết: Anh Trần Hữu T và chị Lê Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 06/11/2006. Quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Trong thời gian chung sống chị L và anh T có 01 con chung Trần Lê Hải Y, sinh ngày 02/9/2008, hiện nay con đang sống với chị L. Hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù nên giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Kết quả xác minh tại Công an xã Q: Ông Nguyễn Ngọc Đ – Phó trưởng công an xã cung cấp thông tin cho biết anh Trần Hữu T, sinh năm 1984 đăng ký hộ khẩu tại Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh N; anh T chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương mà đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Nghĩa An (xã H, huyện C, tỉnh Qị).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Hữu T vắng mặt nhưng đã trình bày và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Anh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều51,56,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, L phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trần Hữu T.

Về con chung: Giao con chung là Trần Lê Hải Y, sinh ngày 02/9/2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị L không yêu cầu.

Anh Trần Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định của Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

Về việc vắng mặt anh Trần Hữu T: Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Đội M – K Trại giam N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Trị. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020 anh Trần Hữu T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Do vậy, căn cứ Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Hữu T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Hữu T là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo chị L trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, cờ bạc và đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và sống ly thân từ tháng 3/2009 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã sống ly thân kéo dài 10 năm nay, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L; cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trần Hữu T.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Hữu T thống nhất vợ chồng có 1 con chung là Trần Lê Hải Y, sinh ngày 02/9/2008, hiện nay con đang sống với chị L. Vợ chồng không có con nuôi, không ai có con riêng.

Nguyện vọng của cháu Trần Lê Hải Y xin được ở với mẹ. Chị L tha thiết xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác anh T đang chấp hành án phạt tù nên không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh T cũng đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, nghĩ nên giao cháu Y cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị L không yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51,56,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trần Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Lê Hải Y, sinh ngày 02/9/2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Hữu T do chị Lê Thị L không yêu cầu.

Anh Trần Hữu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được

cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003691 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp L.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh